

Số: 28 /2024/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 26 tháng 9 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức chi hoạt động Hội giảng Nhà giáo giáo dục
nghề nghiệp, Hội thi thiết bị đào tạo tự làm và Thi tay nghề
trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng
12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà
nước; số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 quy định chi tiết một số
điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ các Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ
Lao động - Thương binh và Xã hội: Số 79/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 21
tháng 5 năm 2012 quy định nội dung và mức chi các hoạt động Hội giảng giáo viên
dạy nghề và Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm; số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH
ngày 14 tháng 3 năm 2012 quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề
các cấp;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã
hội: Số 22/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 10 năm 2022 quy định về Hội thi
thiết bị đào tạo tự làm; số 19/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020
quy định về Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Xét Tờ trình số 7029/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hoạt động
Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Hội thi thiết bị đào tạo tự làm và Thi tay
nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội
đồng nhân dân tỉnh số 161/BC-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (sau đây viết tắt là Hội giảng), Hội thi thiết bị đào tạo tự làm (sau đây viết tắt là Hội thi thiết bị) và Thi tay nghề (kỹ năng nghề) trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng.

a) Hội giảng, Hội thi thiết bị, Thi tay nghề (kỹ năng nghề) cấp cơ sở do trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở khác có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (gọi chung là cơ sở giáo dục nghề nghiệp) tổ chức.

b) Hội giảng, Hội thi thiết bị, Thi tay nghề (kỹ năng nghề) cấp tỉnh do UBND tỉnh Quảng Nam tổ chức.

c) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến tổ chức các hoạt động Hội giảng, Hội thi thiết bị, Thi tay nghề (kỹ năng nghề) cấp cơ sở, cấp tỉnh và tham dự Hội giảng, Hội thi thiết bị, Thi tay nghề (kỹ năng nghề) cấp quốc gia.

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Nội dung và mức chi cho các hoạt động Hội giảng, Hội thi thiết bị và Thi Tay nghề (kỹ năng nghề) cấp tỉnh: Chi tiết theo Phụ lục I, II.

2. Trên cơ sở các nội dung và mức chi đối với Hội giảng, Hội thi thiết bị, Thi tay nghề cấp tỉnh quy định tại Nghị quyết này, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập quy định nội dung và mức chi cụ thể cho tổ chức Hội giảng, Hội thi thiết bị, Thi tay nghề (kỹ năng nghề) cấp cơ sở và tham gia Hội giảng, Hội thi thiết bị, Thi tay nghề (kỹ năng nghề) cấp tỉnh theo quy mô cuộc thi và khả năng nguồn kinh phí của đơn vị, nhưng không vượt quá các mức quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức các hoạt động Hội giảng, Hội thi thiết bị, Thi tay nghề (kỹ năng nghề) cấp tỉnh và tham gia Hội giảng, Hội thi thiết bị, Thi tay nghề (kỹ năng nghề) toàn quốc: nguồn ngân sách tỉnh khoảng 700 triệu đồng/năm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Những nội dung khác liên quan đến nội dung và mức chi các hoạt động Hội giảng, Hội thi thiết bị và Thi tay nghề (kỹ năng nghề) các cấp trên địa bàn tỉnh không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo Thông tư liên tịch số 79/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 21 tháng 5 năm 2012 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu được áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ hai mươi sáu thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 10 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TV Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở: Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài chính;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (2).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Dũng

Phụ lục 1

**NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHO CÁC HOẠT ĐỘNG HỘI GIẢNG,
HỘI THI THIẾT BỊ CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**
(Kèm theo Nghị quyết số: 28/2024/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Chi cho công tác chuẩn bị		
a)	Chi cho công tác xây dựng kế hoạch tổng thể, quy chế và các quy định cần thiết khác.		
-	Xây dựng kế hoạch tổng thể, quy chế Hội giảng, Hội thi.	đồng/kế hoạch, quy chế	1.000.000
-	Xây dựng đề thi và đáp án kiểm tra chuyên đề về chuyên môn nghiệp vụ trong Hội giảng, Hội thi.	đồng/đề thi và đáp án (không quá 04 đề thi và đáp án để lựa chọn)	1.000.000
-	Xây dựng ngân hàng bài giảng cho Hội giảng.	đồng/bài giảng trong ngân hàng bài giảng	1.000.000
-	Xây dựng phiếu đánh giá, xếp loại cho mỗi loại bài giảng tại Hội giảng.	đồng/phiếu	500.000
-	Xây dựng tiêu chí chung đánh giá và khung điểm cho từng tiêu chí trong Hội thi, Hội giảng.	đồng/Hội giảng, Hội thi thiết bị	1.000.000
-	Xây dựng thang điểm chi tiết theo từng nghề trong Hội thi.	đồng/nghe	500.000
-	Phân loại thiết bị tham dự Hội thi theo nghề, nhóm nghề.	đồng/thiết bị dự thi	100.000
-	Lấy ý kiến chuyên gia về xây dựng kế hoạch tổng thể, quy chế Hội giảng, Hội thi; đề thi và đáp án; ngân hàng bài giảng; phiếu đánh giá và xếp loại bài giảng; tiêu chí chung đánh giá và khung điểm.	đồng/ý kiến bằng văn bản (không quá 03 ý kiến bằng văn bản cho mỗi nội dung)	500.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
b)	Chi tổ chức hội thảo phục vụ cho Hội giảng, Hội thi.		
-	Chi thuê địa điểm (trường hợp đơn vị không có địa điểm), trang trí, thuê phương tiện, máy móc, thiết bị (nếu có), tài liệu, nước uống.		Căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp đồng, hóa đơn và các chứng từ chi tiêu hợp pháp.
-	Chi cho người chủ trì, báo cáo tham luận và thành viên tham dự hội thảo.		
	Người chủ trì hội thảo	đồng/người/buổi	300.000
	Thư ký	đồng/người/buổi	200.000
	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	100.000
	Báo cáo tham luận	đồng/bài viết	500.000
c)	Chi làm thêm giờ của các thành viên Ban Tổ chức Hội giảng, Hội thi thiết bị.		Theo quy định tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.
d)	Chi họp Ban tổ chức, Hội đồng giám khảo, họp báo công bố Hội giảng, Hội thi, góp ý các nội dung của công tác chuẩn bị Hội giảng, Hội thi: Số lần họp thực hiện theo yêu cầu thực tế công việc do Trưởng ban tổ chức Hội giảng, Hội thi quyết định.	đồng/người/buổi	100.000
đ)	Chi văn phòng phẩm và tài liệu gồm: Giấy in, mực in, bút viết, nhân bản các tài liệu, bài thi, biểu mẫu; phù hiệu, biển hiệu, hoa cài; bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận (cả khung kính), cờ lưu niệm; in, gửi giấy mời.		Theo thực tế do Trưởng Ban tổ chức Hội giảng, Hội thi quyết định trong dự toán được giao.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
e)	Chi công tác kiểm tra, chỉ đạo tình hình thực hiện Hội giảng, Hội thi thiết bị cấp cơ sở và công tác chuẩn bị Hội giảng, Hội thi thiết bị cấp tỉnh tại địa bàn tổ chức Hội giảng, Hội thi thiết bị cấp tỉnh.		Thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí tại Điều 2 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 và Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 23/4/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi điểm b, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.
2	Chi cho hoạt động tổ chức Hội giảng, Hội thi thiết bị		
a)	Chi thuê địa điểm (trường hợp đơn vị không có địa điểm), hội trường, phương tiện, máy móc, thiết bị, dụng cụ; mua nguyên vật liệu phù hợp với yêu cầu chuyên môn của từng nghề (nếu có); chi thuê vận chuyển thiết bị, bốc dỡ, lắp đặt giới thiệu thiết bị dạy nghề tự làm đạt giải phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức tại nơi bế mạc Hội giảng, Hội thi thiết bị (nếu có).		Theo thực tế do Trường Ban tổ chức Hội giảng, Hội thi thiết bị quyết định trên cơ sở hợp đồng, hóa đơn và các chứng từ chi tiêu hợp pháp.
b)	Chi nước uống phục vụ Hội giảng, Hội thi thiết bị.		Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.
c)	Chi khai mạc, bế mạc Hội giảng, Hội thi thiết bị.		Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định về chế độ hội nghị tại Điều 3 và khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
d)	Chi hoạt động thông tin, tuyên truyền về Hội giảng, Hội thi thiết bị như: chụp ảnh, quay phim, làm tư liệu tuyên truyền, truyền hình, phát thanh, viết bài cho báo đài, làm kỹ yếu Hội giảng, Hội thi thiết bị, băng rôn, khẩu hiệu, pa-nô, áp phích (nếu có) theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		Căn cứ vào hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.
đ)	Chi thù lao bồi dưỡng		
-	Trưởng Ban Tổ chức, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Hội giảng, Hội thi thiết bị, Trưởng Tiểu ban thư ký tổng hợp, Trưởng ban giám khảo.	đồng/người/ngày	200.000
-	Thành viên Ban tổ chức, Thành viên Ban giám khảo và các Tiểu ban giúp việc cho Ban Tổ chức, thành viên Tiểu ban thư ký.	đồng/ngày/người	150.000
-	Chi cho giáo viên, chuyên gia, người làm công tác giám thị, thanh tra, kiểm tra trong quá trình diễn ra Hội giảng, Hội thi thiết bị.	đồng/ngày/người	120.000
-	Chi cho nhân viên y tế, kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ, lái xe, bảo vệ và những người khác trực tiếp tham gia công tác tổ chức Hội giảng, Hội thi thiết bị (số lượng người tham gia do Trưởng ban tổ chức Hội giảng, Hội thi thiết bị quyết định).	đồng/người/ngày	100.000
e)	Chi thuê phòng nghỉ, phương tiện đi lại (gồm đi, về và đi lại phục vụ trong thời gian Hội giảng, Hội thi thiết bị), công tác phí cho thành viên Ban Tổ chức, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thư ký Hội đồng giám khảo, giám khảo (<i>Những người đã hưởng khoản chi này của cơ quan tổ chức Hội giảng, Hội thi thì không được thanh toán chế độ công tác phí ở cơ quan, đơn vị cử đi</i>).		Thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí tại Điều 2 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 23/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam sửa đổi điểm b, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
f)	Chi thù lao giảng viên giảng thử (đã bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng).	đồng/người/buổi (tối đa 2 buổi)	300.000
g)	Hỗ trợ tiền ăn cho người dự thi trong những ngày tham gia Hội giảng, Hội thi thiết bị cấp quốc gia.	đồng/ngày/người (không quá 7 ngày)	150.000
h)	Chấm thi, xét kết quả thi và tổng hợp báo cáo.		
-	Chi đánh giá và chấm thử bài thi, thiết bị trong Hội giảng, Hội thi thiết bị.	đồng/người/buổi	200.000
-	Chấm bài kiểm tra nhận thức trong Hội giảng.	đồng/bài thi/người chấm thi	20.000
-	Chấm giáo án Hội giảng.	đồng/giáo án hoặc hồ sơ/người chấm thi	30.000
-	Chấm bài trình giảng tại Hội giảng.	đồng/bài/người chấm thi	150.000
-	Chấm hồ sơ thiết bị Hội thi thiết bị.	đồng/hồ sơ/người chấm thi	50.000
-	Chấm thiết bị dự Hội thi thiết bị.	đồng/thiết bị/người chấm thi	100.000
-	Họp xét kết quả thi và xét thưởng.	đồng/người/buổi	100.000
-	Tổng hợp, báo cáo kết quả thi của các tiểu ban trong Hội giảng, Hội thi thiết bị.	đồng/tiểu ban	400.000
-	Tổng hợp báo cáo kết quả Hội giảng, Hội thi thiết bị.	đồng/Hội giảng, Hội thi thiết bị	1.000.000
Số lượng người chấm thi, xét kết quả thi do Trường Ban tổ chức Hội giảng, Hội thi thiết bị quy định phù hợp với quy mô từng cuộc thi.			
3	Chi khen thưởng đối với tập thể và cá nhân đạt giải trong Hội giảng, Hội thi thiết bị cấp tỉnh		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
a)	Đối với cá nhân:		
	Giải nhất	đồng	2.000.000
	Giải nhì	đồng	1.500.000
	Giải ba	đồng	1.000.000
	Giải khuyến khích	đồng	300.000
b)	Đối với tập thể:		
	Giải nhất	đồng	4.000.000
	Giải nhì	đồng	3.000.000
	Giải ba	đồng	2.000.000
	Giải khuyến khích	đồng	500.000
4	Tham dự Hội giảng, Hội thi thiết bị toàn quốc		
a)	Tổ chức bồi dưỡng đội tuyển của tỉnh để tham dự Hội giảng, Hội thi thiết bị toàn quốc.		
-	Hỗ trợ tiền ăn cho giáo viên trong quá trình luyện thi tham gia Hội giảng, Hội thi; chi tiền ăn cho giảng viên, chuyên gia trực tiếp hướng dẫn luyện thi.		Thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí tại Điều 2 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 23/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam sửa đổi điểm b, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.
-	Chi thù lao cho giảng viên, chuyên gia trực tiếp hướng dẫn luyện thi.		Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam về quy định hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
-	Chi mua nguyên, nhiên, vật liệu, hàng hóa dịch vụ phục vụ huấn luyện đội tuyển của tỉnh, gia cố thiết bị đoạt giải tham dự Hội giảng, Hội thi thiết bị toàn quốc.		Trưởng Ban tổ chức Hội giảng, Hội thi quyết định và giá mua theo chứng từ, hóa đơn hợp pháp.
b)	Tham gia Hội giảng, Hội thi thiết bị toàn quốc		
-	Các khoản chi phí cho Đoàn trong quá trình tham gia Hội giảng, Hội thi thiết bị toàn quốc.		Thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí tại Điều 2 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 23/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam sửa đổi điểm b, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.
-	Chi vận chuyển thiết bị tham dự Hội giảng, Hội thi thiết bị toàn quốc.		Căn cứ vào hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

Phụ lục 2
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHO CÁC HOẠT ĐỘNG HỘI THI TAY NGHỀ
(KỸ NĂNG NGHỀ) CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số: 28 /2024/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi xây dựng, biên soạn đề thi được tính theo mô đun, bao gồm cả hướng dẫn đánh giá, chấm điểm và biểu điểm.	đồng/mô đun/đề thi/nghề <i>(không quá 5 mô đun/đề thi/nghề)</i>	1.000.000
2	Chi lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia độc lập bằng văn bản cho một đề thi.	đồng/một văn bản góp ý kiến/đề thi <i>(không quá 03 lần tham gia ý kiến cho mỗi đề thi)</i>	500.000
3	Chi cho thành viên Hội đồng duyệt đề thi.	đồng/người/buổi <i>(không quá 3 lần/đề thi)</i>	150.000
4	Chi thuê vẽ bản vẽ (AutoCAD) minh họa cho các đề thi.	đồng/đề thi	Thanh toán theo thực tế do Trưởng Ban tổ chức Thi tay nghề (kỹ năng nghề) quyết định nhưng tối đa không quá 1.000.000 đồng/đề thi.
5	Sao in, đóng gói, niêm phong đề thi theo số lượng đề sử dụng.	đồng/một đề thi	30.000
6	Chi mua nguyên, nhiên, vật liệu, hàng hoá, dịch vụ liên quan phục vụ thi thực hiện theo tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật của từng nghề.		Trưởng Ban tổ chức Thi tay nghề (kỹ năng nghề) quyết định và giá mua theo chứng từ, hóa đơn hợp pháp.
7	Chi mua trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong trường hợp cần thiết do Trưởng Ban tổ chức Thi tay nghề (kỹ năng nghề) quyết định.		Thực hiện theo quy định hiện hành về đấu thầu mua sắm tài sản của cơ quan nhà nước bằng vốn ngân sách nhà nước.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
8	In ấn, nhân bản tài liệu, biểu mẫu; mua sắm văn phòng phẩm, phù hiệu, biển hiệu, hoa cài, bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận, khung kính, cờ lưu niệm, in giấy mời, chuyên phát nhanh và các nội dung liên quan khác (nếu có).		Căn cứ vào hợp đồng, hóa đơn và chứng từ hợp pháp.
9	Chi làm thêm giờ phục vụ trong những ngày diễn ra các hoạt động thi tay nghề (nếu có).		Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.
10	Chi xây dựng kế hoạch tổ chức, giám sát, quy chế thi, lập đề cương, chương trình.	đồng/báo cáo được duyệt	1.000.000
11	Chi lấy ý kiến góp ý quy chế, kế hoạch tổ chức.	đồng/ý kiến bằng văn bản (tối đa 03 ý kiến/quy chế, kế hoạch)	500.000
12	Chi phiên dịch, biên dịch tài liệu, đề thi tay nghề ASEAN và thế giới phục vụ Thi tay nghề (kỹ năng nghề) cấp tỉnh.		Theo mức chi tại khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh về quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức đàm phán và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh.
13	Các nội dung phát sinh theo yêu cầu thực tế khác phục vụ công tác tổ chức hoặc chuẩn bị (nếu có) do Trưởng Ban tổ chức Thi tay nghề (kỹ năng nghề) quyết định.		Căn cứ vào hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
14	Thuê địa điểm, mặt bằng tổ chức các hoạt động của Thi tay nghề (kỹ năng nghề); thuê máy móc, trang thiết bị, dụng cụ và dịch vụ liên quan khác như vận chuyển, tháo dỡ, bốc dỡ, lắp đặt, khắc phục sự cố, đóng gói, địa điểm tập kết hàng hóa, kiểm định an toàn phục vụ thi tay nghề (nếu có).		Căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền duyệt, hợp đồng, hóa đơn và các chứng từ hợp pháp. Trưởng Ban tổ chức Thi tay nghề (kỹ năng nghề) quyết định các nội dung thuê phù hợp với quy mô, tính chất của cuộc thi bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.
15	Chi tổ chức hội nghị tổng kết Thi tay nghề (kỹ năng nghề), khai mạc, bế mạc, hội thảo, phiên họp nhóm, họp báo triển khai các hoạt động phục vụ tổ chức thi tay nghề.		Thực hiện theo quy định về chế độ hội nghị tại Điều 3 và khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.
16	Chi hoạt động thông tin, tuyên truyền về thi tay nghề như: chụp ảnh, quay phim, làm tư liệu tuyên truyền, truyền hình, phát thanh, viết bài cho báo đài, làm kỷ yếu thi tay nghề, băng rôn, khẩu hiệu, pa-nô, áp phích (nếu có) theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		Căn cứ vào hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.
17	Chi thù lao bồi dưỡng		
a)	Trưởng Ban tổ chức hội thi, Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng thi, Trưởng Tiểu ban thư ký tổng hợp, Trưởng Ban giám khảo từng nghề.	đồng/ngày/người	200.000
b)	Thành viên Ban tổ chức và các tiểu ban giúp việc cho Ban tổ chức Thi tay nghề (kỹ năng nghề) và Hội đồng Thi tay nghề (kỹ năng nghề), thành viên Tiểu ban thư ký.	đồng/ngày/người	150.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
c)	Chi cho giáo viên, chuyên gia; người làm công tác giám thị; thanh tra, kiểm tra trong quá trình luyện thi và diễn ra các hoạt động Thi tay nghề (kỹ năng nghề).	đồng/ngày/người	120.000
d)	Chi cho nhân viên y tế, kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ, lái xe, bảo vệ và những người khác trực tiếp tham gia công tác tổ chức thi.	đồng/ngày/người (số lượng người tham gia do Trưởng Ban tổ chức Thi tay nghề (kỹ năng nghề) quyết định)	100.000
18	Chi chấm thi, xét kết quả thi và tổng hợp báo cáo.		
a)	Chi chấm thi đối với từng nghề.	đồng/mô đun/thí sinh/người chấm thi, (không quá 7 người/Ban giám khảo)	35.000
b)	Chi thành viên tham gia xét kết quả thi và xét khen thưởng.	đồng/người/buổi	100.000
c)	Chi công tác tổng hợp, báo cáo kết quả kỳ thi.	đồng/ngành	400.000
19	Chi khen thưởng đối với tập thể và cá nhân đoạt giải Thi tay nghề (kỹ năng nghề) cấp tỉnh.		
a)	Mức chi đối với cá nhân đoạt giải cấp tỉnh như sau:		
	Giải nhất	đồng	2.000.000
	Giải nhì	đồng	1.500.000
	Giải ba	đồng	1.000.000
b)	Mức chi đối với giáo viên, chuyên gia hoặc nhóm chuyên gia trực tiếp bồi dưỡng thí sinh đoạt giải như sau:		Trường hợp giáo viên, giảng viên, chuyên gia hoặc nhóm chuyên gia bồi dưỡng nhiều thí sinh cùng đoạt giải thì chỉ được hưởng theo mức giải thưởng cao

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
			nhất.
	Giải nhất	đồng	1.500.000
	Giải nhì	đồng	1.000.000
	Giải ba	đồng	700.000
	Giải khuyến khích	đồng	300.000
20	Tham dự Thi tay nghề (kỹ năng nghề) toàn quốc		
a)	Chế độ công tác phí.		Thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí tại Điều 2 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 23/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam sửa đổi điểm b, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.
b)	Chi mua nguyên, nhiên, vật liệu, hàng hóa, dịch vụ liên quan phục vụ huấn luyện đội tuyển của tỉnh thực hiện theo tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật của từng nghề.		Trưởng Ban tổ chức Thi tay nghề (kỹ năng nghề) quyết định và giá mua theo chứng từ, hóa đơn hợp pháp.
c)	Chi vận chuyển thiết bị tham dự Thi tay nghề (kỹ năng nghề) toàn quốc.		Căn cứ vào hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

